TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2018/DS – ST
Ngày: 17/8/2018
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân* : 1. Ông Dương Văn Hai.
2. Ông Nguyễn Văn Chót.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Khánh Nguyên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1621/2018/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Diệp Thị B, sinh năm: 1959; địa chỉ: số nhà 83/2, ấp A Đ, xã A Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị B, sinh năm: 1969; địa chỉ: số nhà 48/2, ấp A Đ, xã A Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn bà Diệp Thị B trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị B, do bà B làm chủ hụi, gồm các dây hụi như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng gồm 27 phần, hụi khui ngày 25/9/2015 âm lịch, đến ngày 25/10/2017 mãng hụi, trừ tiền đầu thảo cho bà B 1.000.000 đồng thì số tiền còn lại của dây hụi này là 26.000.000 đồng, tới lượt bà hốt hụi nhưng bà B không giao tiền cho bà.

Dây hụi 1.000.000 đồng gồm 29 phần, hụi khui ngày 09/12/2015 âm lịch, đến ngày 09/3/2017 âm lịch mãng hụi, bà đóng hụi được 22 tháng với số tiền 22.000.000 đồng thì bà B úp hụi, không giao tiền cho bà, trừ tiền đầu thảo cho bà B 1.000.000 đồng thì dây hụi này bà B còn nợ bà số tiền 21.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng gồm 28 phần, hụi khui ngày 18/01/2017 âm lịch, đến ngày 18/4/2019 mãng hụi, dây hụi này bà đóng được 09 tháng với số tiền 18.000.000 đồng thì bà B úp hụi, không giao tiền cho bà, trừ tiền đầu thảo cho bà B 1.000.000 đồng thì dây hụi này bà B còn nợ bà số tiền 17.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng gồm 27 phần, hụi khui ngày 25/7/2017 âm lịch, đến ngày 25/8/2019 mãng hụi, dây hụi này bà đóng được 02 tháng với số tiền 4.000.000 đồng thì bà B úp hụi, không giao tiền cho bà.

Sau đó, vào ngày 05/01/2018 bà B có viết cho bà tờ biên nhận nợ với nội dung bà B có thiếu bà số tiền hụi là 68.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà B vẫn không trả cho bà được số tiền nào hết, mặc dù trước đó bà đã nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền cho bà.

Tại Tòa hôm nay, bà yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà số tiền hụi 68.000.000 đồng, bà yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Diệp Thị B về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị B trả tiền hụi. Bị đơn Nguyễn Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A Đ, xã A Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng góp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà B vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà B là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Diệp Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho bà B số tiền hụi là 68.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Diệp Thị B đã cung cấp chứng cứ là tờ biên nhận với nội dung: ”*Hôm nay ngày 5-1-2018 tôi Nguyễn Thị B có thiếu số tiền hụi của dì 6 B tổng số tiền là 68.000.000 đồng*” để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Đối với bị đơn Nguyễn Thị B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên bị đơn Nguyễn Thị B đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Diệp Thị B cung cấp để xét xử vụ án.

[4] Xét thấy, hợp đồng góp hụi được xác lập giữa nguyên đơn Diệp Thị B với bị đơn Nguyễn Thị B được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà B đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận dẫn đến việc phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc bà B khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm trả cho bà B số tiền hụi 68.000.000 đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật với số tiền: 68.000.000 đồng x 5% = 3.400.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Diệp Thị B số tiền 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) cho bà Diệp Thị B theo biên lai thu số: 0016274 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên